

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1463 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 29 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và nộp tiền hoàn trả kinh phí thăm dò mỏ đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Côn Sơn, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 3968/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục và giá tối thiểu tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản mỏ đá spilit làm VLXD thông thường tại núi Côn Sơn, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa” (*Khu mỏ Công ty TNHH Sản xuất đá Thái Bình Dương được cấp phép thăm dò - Trữ lượng tính đến ngày 10/01/2016*);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 413/TTr-STNMT ngày 21 tháng 4 năm 2016 về việc phê duyệt giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và hoàn trả kinh phí thăm dò với mỏ đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Côn Sơn, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và hoàn trả kinh phí thăm dò với mỏ đá spilit làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi Côn Sơn, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung chính như sau:

1. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân nộp tiền: Công ty TNHH Sản xuất đá Thái Bình Dương; địa chỉ: số nhà 04B, phố Quan Sơn, phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm lần đầu (theo Quyết định số 3968/2015/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh):

- $G = 60.000$ đồng/ m^3 đối với đá split làm VLXD thông thường;

- $G = 2.100.000$ đồng/ m^3 đối với đá khối tận thu làm đá ốp lát;

c) Trữ lượng tính tiền cấp quyền:

$$Q = Q_1 + Q_2;$$

Trong đó:

- Q_1 là trữ lượng địa chất của đá split làm VLXD thông thường được phê duyệt theo Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 của UBND tỉnh là: $549.572 m^3$;

- Q_2 là trữ lượng địa chất của đá khối tận thu sản xuất đá ốp lát được phê duyệt theo Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 của UBND tỉnh là: $41.366 m^3$;

d) Hệ số thu hồi khoáng sản theo phương pháp khai thác lộ thiên: $K_1 = 0,9$;

đ) Hệ số điều kiện kinh tế xã hội: $K_2 = 1,0$;

e) Mức thu tiền cấp quyền khai thác:

+ $R = 4\%$ (Đối với than bùn và các loại vật liệu xây dựng thông thường còn lại);

+ $R = 1\%$ (Đối với đá ốp lát gốc);

f) Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đơn vị phải nộp là:

$$T = T_1 + T_2;$$

Trong đó:

- T_1 là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với đá split làm VLXD thông thường được phê duyệt tại Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 của UBND tỉnh là:

$$T_1 = (Q_1 \times G \times K_1 \times K_2 \times R) = (549.572 m^3 \times 60.000 \text{ đồng}/m^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 4\%) = 1.187.075.520,0 \text{ đồng};$$

- T_2 là tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với đá khối tận thu làm đá ốp lát được phê duyệt tại Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 và của UBND tỉnh là :

$$T_2 = (Q_2 \times G \times K_1 \times K_2 \times R) = (41.366 m^3 \times 2.100.000 \text{ đồng}/m^3 \times 0,9 \times 1,0 \times 1\%) = 781.817.400,0 \text{ đồng};$$

Như vậy, $T = T_1 + T_2 = 1.187.075.520,0 \text{ đồng} + 781.817.400,0 \text{ đồng} = 1.968.892.920,0 \text{ đồng}$ (Một tỷ, chín trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi đồng);

g) Tổng số lần nộp: $N = X : 2 = 30 : 2 = 15$ lần;

h) Số tiền phải nộp hàng năm:

$$T_{\text{hn}} = T : 15 = 1.968.892.920,0 \text{ đồng} : 15 = 131.259.528,0 \text{ đồng};$$

i) Số tiền nộp lần đầu: $T_{\text{ld}} = T_{\text{hn}} = 131.259.528,0 \text{ đồng}$ (Một trăm ba mươi một triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi tám đồng);

- j) Số tiền nộp các lần tiếp theo (từ lần 2 ÷ 15) được tính theo công thức sau:
 $T_n = T_{hn} \times G_n$; Trong đó:
 + T_n là số tiền nộp lần thứ n (từ lần 2 ÷ 15);
 + T_{hn} là tiền nộp hàng năm;
 + G_n giá tính tiền cấp quyền khai thác (giá tính thuế tài nguyên) tại thời điểm nộp tiền lần thứ n;
 + G giá tính tiền cấp quyền khai thác lần đầu;
 k) Thời điểm nộp tiền:
 - Lần đầu trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Cục thuế tỉnh Thanh Hóa;
 - Các lần tiếp theo nộp trước ngày 31/3 các năm tiếp theo.

2. Hoàn trả kinh phí thăm dò:

Mỏ đá spilit tại núi Côn Sơn, xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc được thăm dò bằng nguồn kinh phí của Công ty TNHH Sản xuất đá Thái Bình Dương. Do đó, đơn vị không phải hoàn trả kinh phí thăm dò.

Điều 2. Căn cứ nội dung Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước, các đơn vị có trách nhiệm:

1. Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa thông báo đến Công ty TNHH Sản xuất đá Thái Bình Dương về số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

2. Công ty TNHH Sản xuất đá Thái Bình Dương có trách nhiệm nộp số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào ngân sách Nhà nước theo quy định. Phối hợp với chính quyền địa phương trong việc quản lý tải trọng xe, có trách nhiệm sửa chữa các đường giao thông do quá trình khai thác, vận chuyển khoáng sản gây ra.

3. UBND huyện Vĩnh Lộc và UBND xã Vĩnh Minh có trách nhiệm quản lý tải trọng của các phương tiện vận chuyển khoáng sản theo thẩm quyền.

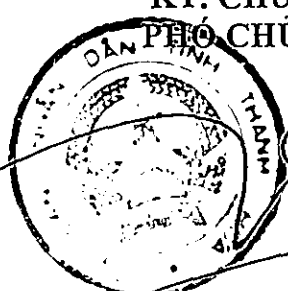
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc; Chủ tịch UBND xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc; Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất đá Thái Bình Dương; Thủ trưởng các ngành và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *kt*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
 - Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
 - PCT TT Nguyễn Đức Quyền;
 - Lưu: VT, KTTC, CNXDGT.
- QĐKP 16-051

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *claz*



Lê Thị Thìn